

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Mai Thùy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 37.957.525.759 VND trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018. Ngoài ra, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này giảm 98% so với cùng kỳ năm trước. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ sở hữu trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Số: 19.123/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc về việc lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm 37.957.525.759 VND trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ Công ty đã chi tiền đầu tư mua chứng khoán kinh doanh với số tiền là 27.500.000.000 VND. Ngoài ra, như đã nêu tại Thuyết minh số 4.31 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này giảm 98% so với cùng kỳ năm trước. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.413.287.977	114.518.169.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	14.385.311.088	92.921.962.748
1. Tiền	111		2.362.491.644	6.846.768.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.022.819.444	86.075.194.495
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	49.408.606.036	10.992.964.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.237.793.251	10.992.964.750
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8.791.093.251)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.961.906.036	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.176.623.356	5.417.320.990
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.170.805.781	5.025.495.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.011.416.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	11.994.401.575	391.825.715
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.692.290.079	2.455.610.124
1. Hàng tồn kho	141		1.786.129.443	2.455.610.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(93.839.364)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.750.457.418	2.730.310.543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.594.188	1.298.668
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.851.355	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	2.729.011.875	2.729.011.875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.364.021.057	19.644.683.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.792.376.316	1.975.427.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.792.376.316	1.975.427.064
Nguyên giá	222		3.485.104.142	3.485.104.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.692.727.826)	(1.509.677.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.8	7.620.210.311	7.689.066.965
Nguyên giá	231		7.979.619.120	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(359.408.809)	(290.552.155)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.877.385.200	4.877.385.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	4.877.385.200	4.877.385.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	15.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		59.049.230	87.803.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		59.049.230	87.803.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.777.309.034	134.162.852.164

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.063.450.191	12.379.112.169
I. Nợ ngắn hạn	310		11.003.450.191	12.279.112.169
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	426.192.825	902.550.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.362.500	1.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	24.304.435	6.061.864.546
4. Phải trả người lao động	314	4.12	409.323.886	692.518.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	711.724.151	755.597.879
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	8.337.240.536	2.469.126.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	400.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	1.072.301.858	995.853.693
II. Nợ dài hạn	330		60.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	60.000.000	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.713.858.843	121.783.739.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	103.713.858.843	121.783.739.995
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.16.2	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	463.499.004
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.256.690.135)	6.847.330.947
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		139.011.852	3.433.337.905
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.395.701.987)	3.413.993.042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.777.309.034	134.162.852.164

Phê duyệt

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.781.496.810	382.816.899.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		436.911.542	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.18	8.344.585.268	382.816.899.343
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	8.222.873.389	361.084.954.577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.711.879	21.731.944.766
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	1.523.106.998	1.497.913.518
7. Chi phí tài chính	22	4.21	8.803.758.226	1.481.192.547
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8.778.082	82.180.927
8. Chi phí bán hàng	25	4.22	1.272.373.087	2.253.257.941
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	3.521.099.070	6.773.512.896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.952.411.506)	12.721.894.900
11. Thu nhập khác	31		559.050.439	36.302.727
12. Chi phí khác	32		2.340.920	1
13. Lợi nhuận khác	40		556.709.519	36.302.726
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.395.701.987)	12.758.197.626
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	-	2.813.529.984
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.395.701.987)	9.944.667.642
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	(1.000)	836
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	(1.000)	836

Phê Duyệt

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.395.701.987)	12.758.197.626
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		251.907.402	194.014.326
Các khoản dự phòng	03		8.884.932.615	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.523.106.998)	(1.525.186.245)
Chi phí lãi vay	06	4.21	8.778.082	82.180.927
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(3.773.190.886)	11.509.206.634
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.413.816.858)	18.596.428.749
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		669.480.681	7.835.774.834
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.867.620.143)	(11.657.940.137)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		14.459.030	1.144.574.906
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(17.244.828.501)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.778.082)	(75.055.927)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(7.541.961.083)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(333.231.000)	(117.689.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.957.525.759)	19.693.338.776
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.946.465.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	27.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(39.961.906.036)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		171.770.135	1.140.413.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.790.135.901)	(3.778.778.955)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BAĐịa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		(400.000.000)	3.170.660.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.170.660.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(388.990.000)	(292.675.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(788.990.000)	(292.675.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(78.536.651.660)	15.621.884.821
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92.921.962.748	65.878.471.231
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		14.385.311.088	81.500.356.052

Phê Duyệt

Người lập

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Ngày 26 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899, Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 23 (31/12/2017: 26 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 37.957.525.759 VND. Nguyên nhân chủ yếu là do trong kỳ Công ty đã chi tiền đầu tư mua chứng khoán kinh doanh với số tiền là 27.500.000.000 VND. Tuy nhiên, căn cứ theo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 thì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm là phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty và Ban Giám đốc tin rằng việc Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm như đề cập ở trên sẽ không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,

Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	102.311.580	94.708.710
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.260.180.064	6.752.059.543
Các khoản tương đương tiền (*)	12.022.819.444	86.075.194.495
Cộng	14.385.311.088	92.921.962.748

(*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,30%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018			Đvt: Ngàn đồng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư cổ phiếu:							
Công ty Cổ phần GTNfoods	28.237.793	19.446.700	(8.791.093)	10.992.965	12.263.400	-	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được tính theo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày 29 tháng 06 năm 2018 là 9.100 VND/cổ phiếu.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018		Đvt: Ngàn đồng
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn:					
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	29.961.906	29.961.906	-	-	
Dài hạn					
Trái phiếu doanh nghiệp (**)	10.000.000	10.000.000	-	-	

(*) Đây là khoản đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây phát hành ngày 06 tháng 01 năm 2017 với kỳ hạn 02 năm; lãi suất kỳ hiện tại là 10,73%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo trong phạm vi các tài sản hợp pháp của đơn vị phát hành hoặc bên thứ ba, bao gồm nhưng không hạn chế ở 23.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương thuộc sở hữu của bên thứ ba do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB quản lý.

(**) Đây là khoản đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế Hệ Mới phát hành ngày 22 tháng 06 năm 2018 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất áp dụng cho tất cả kỳ tính lãi được cố định là 10%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 10.000.000 cổ phiếu GTN thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Đvt: Ngàn đồng					
Công ty TNHH Bao Bi Hiệp Nguyên VINA	2.000.000	-		2.000.000	-	
Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000	-		3.000.000	-	
Cộng	5.000.000	-		5.000.000	-	

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Kim Thanh	319.565.000	476.384.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Đức Thiện Thành	282.445.900	391.028.900
Chi nhánh Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	281.675.391	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu tổng hợp Thiên Phúc	230.752.115	275.165.000
Các khách hàng khác	3.056.367.375	3.882.917.375
Cộng	4.170.805.781	5.025.495.275

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi nhánh Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	955.570.000	-
Khác	55.846.000	-
Cộng	1.011.416.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	-	-	7.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.278.420.545	-	20.181.548	-
Dự thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	1.715.981.030	-	185.069.167	-
Phải thu bên liên quan	-	-	179.575.000	-
Cộng	11.994.401.575	-	391.825.715	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	15.000.000	-	15.000.000	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	27.803.000	-	35.803.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.501.836	-	127.239.300	-
Hàng hóa	1.599.824.607	(93.839.364)	2.292.567.824	-
Cộng	1.786.129.443	(93.839.364)	2.455.610.124	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	157.000.000	3.142.197.623	185.906.519	3.485.104.142
Tại ngày 30/06/2018	<u>157.000.000</u>	<u>3.142.197.623</u>	<u>185.906.519</u>	<u>3.485.104.142</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	7.476.192	1.337.068.199	165.132.687	1.509.677.078
Khấu hao trong kỳ	11.214.288	163.943.748	7.892.712	183.050.748
Tại ngày 30/06/2018	<u>18.690.480</u>	<u>1.501.011.947</u>	<u>173.025.399</u>	<u>1.692.727.826</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	149.523.808	1.805.129.424	20.773.832	1.975.427.064
Tại ngày 30/06/2018	<u>138.309.520</u>	<u>1.641.185.676</u>	<u>12.881.120</u>	<u>1.792.376.316</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.075.119.824 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Cộng	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	290.552.155	68.856.654	-	359.408.809
Cộng	290.552.155	68.856.654		359.408.809
Giá trị còn lại:				
Nhà	7.689.066.965			7.620.210.311
Cộng	7.689.066.965			7.620.210.311

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí mua đất tại Khu 6B, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.793.750.000	4.793.750.000
Chi phí thiết kế văn phòng	83.635.200	83.635.200
Cộng	4.877.385.200	4.877.385.200

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - MTV Công ty TNHH	394.659.030	394.659.030	870.977.943	870.977.943
Phải trả cho các đối tượng khác	31.533.795	31.533.795	31.572.843	31.572.843
Cộng	426.192.825	426.192.825	902.550.786	902.550.786

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VĨ NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018		Trong kỳ		Tại ngày 30/06/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	5.709.507.916	-	(5.709.507.916)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.729.011.875	-	-	-	2.729.011.875	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	352.356.630	129.630.399	(457.682.594)	-	24.304.435
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	2.729.011.875	6.061.864.546	133.630.399	(6.171.190.510)	2.729.011.875	24.304.435

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	481.829.119	473.429.119
Trích trước tiền thuê kho, thuê văn phòng	200.000.000	200.000.000
Các khoản trích trước khác	29.895.032	82.168.760
Cộng	<u>711.724.151</u>	<u>755.597.879</u>

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.253.622.500	2.378.112.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	83.618.036	91.013.836
Cộng	<u>8.337.240.536</u>	<u>2.469.126.336</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	60.000.000	100.000.000

4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	995.853.693	6.233.051
Trích trong kỳ	409.679.165	1.960.415.442
Chi trong kỳ	(333.231.000)	(117.689.200)
Số dư cuối kỳ	<u>1.072.301.858</u>	<u>1.848.959.293</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	114.000.000.000	314.868.226	434.910.044	15.042.384.125	129.792.162.395
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	9.944.667.642	9.944.667.642
Trích các quỹ thuộc nguồn vốn	-	148.630.778	9.500.000.000	(9.648.630.778)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.040.415.442)	(1.040.415.442)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và Hội đồng quản trị	-	-	-	(920.000.000)	(920.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	114.000.000.000	463.499.004	9.934.910.044	13.378.005.547	137.776.414.595
Lỗ trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(6.530.674.600)	(6.530.674.600)
Chia cổ tức	-	-	(9.462.000.000)	-	(9.462.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	114.000.000.000	463.499.004	472.910.044	6.847.330.947	121.783.739.995
Lỗ trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	(11.395.701.987)	(11.395.701.987)
Trích các quỹ thuộc nguồn vốn	-	34.139.930	-	(34.139.930)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(409.679.165)	(409.679.165)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.264.500.000)	(6.264.500.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(11.256.690.135)	103.713.858.843

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	17.100.000.000	17.100.000.000
Cổ đông khác	96.900.000.000	96.900.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Căn cứ theo danh sách chốt ngày 29 tháng 06 năm 2018 của Trung tâm lưu ký, Công ty có 477 cổ đông và số vốn thực góp là 114 tỷ đồng

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.395.701.987)	9.944.667.642
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(409.679.165)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(11.395.701.987)	9.534.988.477
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.400.000	11.400.000
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.000)	836

Lãi/lỗ cơ bản và lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu kỳ này chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính sẽ trích cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2018.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại: USD	67,29	67,29

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	8.526.095.720	379.559.181.190
Doanh thu dịch vụ cho thuê	248.909.090	3.117.718.153
Doanh thu dịch vụ tư vấn	-	140.000.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	6.492.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(436.911.542)	-
Cộng	<u>8.344.585.268</u>	<u>382.816.899.343</u>

4.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.050.436.971	358.481.990.096
Giá vốn dịch vụ cho thuê	68.856.654	2.491.914.481
Giá vốn dịch vụ tư vấn	-	111.050.000
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	9.740.400	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	93.839.364	-
Cộng	<u>8.222.873.389</u>	<u>361.084.954.577</u>

4.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.422.324.503	1.351.413.518
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	146.500.000
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	100.782.495	-
Cộng	<u>1.523.106.998</u>	<u>1.497.913.518</u>

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	8.778.082	82.180.927
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	8.791.093.251	-
Chiết khấu thanh toán	-	1.399.011.620
Chi phí tài chính khác	3.886.893	-
Cộng	<u>8.803.758.226</u>	<u>1.481.192.547</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	305.525.670	33.333.339
Chi phí vật liệu, bao bì	12.133.899	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.350.000	22.500.000
Chi phí khấu hao	117.027.270	70.348.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.355.817	1.182.898.824
<i>Cước vận chuyển</i>	85.355.817	1.163.169.945
<i>Chi phí khác</i>	-	19.728.879
Chi phí bằng tiền khác	726.980.431	944.177.296
<i>Chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường</i>	246.998.438	499.082.296
<i>Chi phí sản phẩm mẫu</i>	420.685.744	422.670.000
<i>Chi phí khác</i>	59.296.249	22.425.000
Cộng	1.272.373.087	2.253.257.941

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.313.040.710	4.757.474.718
Chi phí vật liệu quản lý	52.016.344	54.522.915
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.307.218	57.448.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.023.478	54.809.190
Thuế, phí và lệ phí	5.821.000	7.275.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.242.627	786.354.277
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	-	332.100.000
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	116.357.358	125.724.674
<i>Chi phí dịch vụ bảo vệ</i>	99.000.000	72.500.000
<i>Công tác phí</i>	90.021.432	101.344.048
<i>Chi phí khác</i>	72.863.837	154.685.555
Chi phí bằng tiền khác	646.647.693	1.055.628.000
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	155.000.000	326.500.000
<i>Chi phí tiếp khách</i>	124.816.256	316.123.519
<i>Chi phí khác</i>	366.831.437	413.004.481
Cộng	3.521.099.070	6.773.512.896

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.150.243	54.522.915
Chi phí nhân công	2.618.566.380	4.790.808.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.907.402	194.014.326
Chi phí dự phòng	93.839.364	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.454.535.335	353.242.698.555
Chi phí bằng tiền khác	871.866.141	3.967.856.727
Cộng	<u>12.354.864.865</u>	<u>362.249.900.580</u>

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	2.813.529.984
Tổng chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	<u>-</u>	<u>2.813.529.984</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(11.395.701.987)	12.758.197.626
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	142.743.082	1.309.452.296
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(11.538.445.069)	14.067.649.922
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>-</u>	<u>2.813.529.984</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu;
- Lĩnh vực dịch vụ cho thuê;
- Các lĩnh vực khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018:

	<u>Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng Tổng công</u>	
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	8.089	379.559	249	3.118	6	140	-	-	8.344	382.817
Kết quả hoạt động kinh doanh	(4.847)	12.050	180	626	(4)	29	-	-	(4.671)	12.705
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác									1.523	1.498
Thu nhập tài chính									(8.804)	(1.481)
Chi phí tài chính									557	36
Lợi nhuận khác									-	(2.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp										
Lợi nhuận sau thuế									(11.395)	9.944

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác:**

	<u>Lĩnh vực mua bán</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng</u>	
	<u>thuốc lá điếu</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>cho thuê</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Tổng công</u>	<u>VND</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khấu hao trong kỳ	183	125	69	69	-	-	-	-	252	194

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán thuốc lá cho thị trường trong nước và hoạt động cho thuê văn phòng, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Thông tin về các bên có liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt	513.488.795	704.992.484

4.28. Thu nhập của Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	18.000.000	24.900.000

4.29. Số liệu so sánhKết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	836	872

4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

4.31. Thông tin thuyết minh khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này giảm 374,04 tỷ đồng tương đương 98% so với cùng kỳ năm trước là do kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức ngừng phân phối trực tiếp sản phẩm thuốc lá đầu lọc nhãn hiệu SAIGON Silver Demi Slim BC theo Thông báo số 262/TLSG-TTH ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.

Phê duyệt



Nguyễn Đức Thuận

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập



Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính